

Bản án số: 97/2021/HS-ST
Ngày: 11-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bà Nguyễn Thị Tinh
2. Bà Võ Thị Bời

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã mở phiên tòa xét xử kín vụ án hình sự thụ lý 75/2021/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Lê Đức H**, sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường C, phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Đức H1, sinh năm 1956 và bà Phan Thị S, sinh năm 1962; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 24/8/2020; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ; nơi cư trú: đường P, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Hoài Th; nơi cư trú: xã H, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Vũ P; nơi cư trú: đường S, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Anh Lâm Nguyễn An K, nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức H đã từng là học viên của Trường sĩ quan lục quân 2. Trong thời gian học tập, công tác, Lê Đức H có quen biết với Huỳnh Hoàng Th (sinh năm 1986; công tác tại Đại đội X, Tiểu đoàn Z, Trung tâm huấn luyện vùng 4 Hải Quân, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa). Khoảng tháng 10 năm 2018, Lê Đức H xuất ngũ, nhưng Huỳnh Hoàng Th không biết. Sau khi xuất ngũ, Lê Đức H đã làm giả giấy tờ tùy thân của mình và của người khác, rồi nhờ Huỳnh Hoàng Th bảo lãnh vay nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Hồng Đ. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 04/02/2020, H gọi điện thoại cho Huỳnh Hoàng Th nhờ vay một ít tiền để lo việc học và sẽ thế chấp thẻ Đảng viên, bằng lái xe quân đội. Th đồng ý giúp H nên liên lạc với chị Nguyễn Thị Hồng Đ, thống nhất với chị Đ về việc Th sẽ bảo lãnh cho H vay số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 10%/tháng, trong đó Th được hưởng 02%, H sẽ thế chấp thẻ Đảng viên, bằng lái xe quân đội cho chị Đ. Sau đó, Th gọi điện thoại cho H, thông báo có thể giới thiệu cho H vay số tiền 100.000.000 đồng và không lấy tiền giới thiệu, nhưng bù lại H cho Th mượn 20.000.000 đồng, H đồng ý và Th gửi số điện thoại chị Đ cho H để H liên lạc và làm thủ tục vay tiền. Sau đó H dùng hình thẻ của mình rồi lên mạng tìm kiếm thông tin đặt làm giấy tờ giả rồi thuê làm giả thẻ đảng viên, giấy phép lái xe mang tên Lê Đức H với giá 5.500.000 đồng. Đến ngày 06/02/2020, H đến thành phố N, dùng thẻ Đảng viên và Giấy phép lái xe giả mang tên Lê Đức H để vay chị Đ 100.000.000 đồng. Sau khi có được tiền, H chuyển khoản cho Huỳnh Hoàng Th số tiền 20.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng giữa tháng 2 năm 2020, H gọi điện thoại nhờ Th giới thiệu với chị Đ cho một người tên “Sơn” công tác ở Kho X thuộc Vùng 4 Hải quân, Cam Ranh vay số tiền 100.000.000 đồng và sẽ thế chấp thẻ Đảng viên, giấy chứng minh sĩ quan của “Sơn”. Th đồng ý giúp nên liên lạc với chị Đ, thống nhất về việc Th sẽ bảo lãnh cho “Sơn” vay số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 10%, trong đó Th được hưởng 02%. Sau đó, Th gọi điện thông báo cho H biết chị Đ đã đồng ý cho vay. Lúc này, H lên mạng xã hội facebook, đăng tin “Cần tìm người làm việc lương cao, ai cần thì inbox” thì có một đối tượng tên “Nguyễn Văn Ngọc” (không rõ nhân thân, lai lịch – sống tại thành phố Hồ Chí Minh) liên lạc, H liền rủ “Ngọc” đưa hình thẻ để làm giấy tờ giả để vay tiền chị Đ và sẽ trả công cho “Ngọc” 15.000.000 đồng, “Ngọc” đồng ý và đưa cho H hình thẻ. Sau đó, H lên mạng xã hội, tìm kiếm được nơi đặt làm giả giấy tờ và dùng ảnh thẻ của “Ngọc” để

làm giả thẻ đảng viên và giấy chứng minh sĩ quan mang tên Lê Văn Sơn với giá 8.000.000 đồng. Đến ngày 21/02/2020, sau khi có được thẻ đảng viên và giấy chứng minh sĩ quan giả, H cùng “Ngọc” đến gặp chị Đ và dùng giấy tờ giả trên vay số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi có được tiền vay, H cho Th mượn 10.000.000 đồng và trả công cho “Ngọc” số tiền 15.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Lần thứ ba: Ngày 10/3/2020, tương tự như trên, H gọi điện nhờ Th giới thiệu với chị Đ cho một người em có thẻ Đảng viên và giấy phép lái xe vay số tiền 120.000.000 đồng, nhưng Th nói chị Đ chỉ cho vay 100.000.000 đồng và khi vay được thì cho Th mượn 20.000.000 đồng, H đồng ý. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 11/3/2020, H đi đến Bến xe Miền Đông, thành phố Hồ Chí Minh với mục đích tìm kiếm người đi chụp hình thẻ, làm giả giấy tờ để vay tiền chị Đ. Tại đây, H gặp Mạch Chí Thanh đang giao gà cho khách, H liền rủ: *“Có muốn kiếm tiền không”*, Th hỏi: *“Kiếm tiền bằng cách nào?”*, H trả lời: *“Đi với anh chụp hình thẻ để làm giấy tờ vay tiền, vay được 100.000.000 đồng thì anh cho 15.000.000 đồng”*, Th đồng ý và chở H đi chụp hình thẻ. Sau khi có được hình thẻ của Th, H không lấy bất cứ thông tin cá nhân nào của Th mà hẹn Th khi nào làm xong giấy tờ thì sẽ dẫn đi vay tiền.

Sau đó, H tìm kiếm trên mạng internet nội dung “Làm bằng, thẻ giả” và liên hệ với một tài khoản facebook “Cần làm bằng giả” đặt làm thẻ Đảng viên, Giấy phép lái xe giả mang tên Trần Văn Nam bằng hình thẻ của Thanh với giá 5.500.000 đồng. Đến tối ngày 12/3/2020, sau khi nhận được thẻ Đảng viên, giấy phép lái xe giả mang tên Trần Văn Nam, H gọi điện thoại di động cho Th rồi cả hai cùng di chuyển từ thành phố Hồ Chí Minh đến Nha Trang để thực hiện việc vay tiền.

Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 13/3/2020, khi H và Th đang ngồi uống nước ở một quán cà phê tại thành phố Nha Trang, H dặn Th *“Chút nữa ghi giấy nợ thì ghi tên Trần Văn Thanh công tác tại Đại đội 1, Trung tâm huấn luyện thuộc Vùng 4 Hải quân, Cam Ranh”*. Lúc này, Th hỏi H: *“Có sao không anh”*, H trả lời: *“Không sao, có người bảo lãnh vay hết rồi, trước đó anh vay rồi yên tâm, nếu vay được anh sẽ cho 15.000.000 đồng như đã thống nhất”*, Th đồng ý. Sau đó, cả hai đi đến một tiệm thuốc tây (không rõ địa chỉ) mua 01 hộp Salonpas, H lấy ra một miếng dán vào cổ Th để che đi hình xăm sau gáy, đồng thời lấy thẻ Đảng viên và Giấy phép lái xe mang tên Trần Văn Nam bỏ vào túi quần sau của Thanh. Tiếp đó, cả hai đến nhà chị Nguyễn Thị Hồng Đ để vay tiền thì bị chị Đ phát hiện thẻ Đảng viên và giấy phép lái xe mà giả nên đã cùng người nhà bắt giữ và đưa cả hai đến Công an phường L.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKSNT ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Lê Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm

giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Lê Đức H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 7 - 8 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 3 - 4 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các tội. Về bồi thường, bị hại đã nhận được tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét. Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Đức H thừa nhận các hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm trở về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 và 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người liên quan khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo Lưu Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định số 390/GĐTP/2020 ngày 25/6/2020; của những người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có

trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do đã có thời gian quen biết với anh Huỳnh Hoàng Thương và thông qua anh Thương, bị cáo biết bà Nguyễn Thị Hồng Đ có cho vay tiền bằng hình thức có người bảo lãnh và cầm cố các giấy tờ tùy thân do cơ quan, tổ chức nhà nước có thẩm quyền cấp để làm tin. Với mục đích chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị Hồng Đ để tiêu xài, thông qua mạng xã hội facebook Lê Đức H đã cung cấp thông tin, hình ảnh của mình và của người khác cho các đối tượng làm giả để đặt làm giả nhiều tài của cơ quan, tổ chức, cụ thể: Giấy phép lái xe mang tên Lê Đức H, Trần Văn Nam, Giấy chứng minh sỡ quan mang tên Trần Văn Sơn, thẻ Đảng viên mang tên Trần Văn Sơn, Lê Đức H và Trần Văn Nam. Sau khi làm giả các tài liệu, Lê Đức H đã dùng các tài liệu này để lừa đảo và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hồng Đ, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào ngày 04/2/2020, H làm giả thẻ đảng viên, giấy phép lái xe chính bản thân mình. Ngày 06/02/2020 H dùng các giấy tờ giả này đưa cho bà Đ để làm tin và chiếm đoạt của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng.

Lần thứ hai, vào khoảng đầu tháng 2 năm 2021, H cùng một đối tượng tên “Nguyễn Văn Ngọc” dùng ảnh thẻ của “Ngọc” làm giả thẻ đảng viên, giấy chứng minh sỡ quan mang tên Lê Văn Sơn. Sau đó, đến ngày 21/2/2020, Hải và “Ngọc” dùng giấy tờ giả này đưa cho bà Đ để làm tin và chiếm đoạt của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng.

Lần thứ ba, vào ngày 11/3/2020, H cùng Mạch Chí Thanh dùng ảnh thẻ của Thanh để làm giả thẻ đảng viên, giấy phép lái xe mang tên Trần Văn Nam, Ngày 13/3/2000, H cùng Mạch Chí Thanh dùng giấy tờ giả này đưa cho bà Đ để làm tin và để chiếm đoạt của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng, nhưng chưa thực hiện được việc chiếm đoạt thì bị phát hiện bắt giữ.

Như vậy, bị cáo đã có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả này để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ với số tiền 300.000.000 đồng (đã chiếm đoạt được 200.000.000 đồng). Do đó, các hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; của Bộ luật hình sự.

[4] Đánh giá các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1, 3 Điều 431 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp

luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 03 năm đến 7 năm tù.

a) Làm giả 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên”.

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng”.

Bị cáo Lê Đức H đã làm giả 06 tài liệu của cơ quan, tổ chức: gồm 03 thẻ Đảng viên, 02 giấy phép lái xe, 01 Giấy chứng minh sỹ quan. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt tăng nặng là “Làm giả 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Sau khi làm giả 06 tài liệu của cơ quan, tổ chức, bị cáo đã sử dụng 06 tài liệu này để lừa đảo chiếm đoạt của bị hại số tiền 300.000.000 đồng (đã chiếm đoạt được 200.000.000 đồng). Hành vi này của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Đây là tội phạm rất nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt tăng nặng là “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng...” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 và 3 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 07 năm đến 15 năm tù.

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Bị cáo sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 300.000.000 đồng, trong đó đã chiếm đoạt được số tiền 200.000.000 đồng. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt tăng nặng là “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận Cáo trạng số 69/CT-VKSNT ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành

phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Lê Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Trong một thời gian ngắn thực hiện nhiều tội phạm. Đối với tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan” thì hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra sự hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, cũng như gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội và trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả (bồi thường 170.000.000 đồng cho bị hại) và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là quân nhân xuất ngũ, đã có nhiều thành tích trong thời gian ở quân ngũ (giấy khen, chiến sỹ tiên tiến). Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Hồng Đ đã nhận được số tiền 170.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Đ không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 06 tài liệu bị cáo làm giả của cơ quan, tổ chức: gồm: 01 thẻ Đảng viên số: 77.291998 mang tên Lê Đức Hải; 01 thẻ Đảng viên số 77.624544 mang tên Lê Văn Sơn; 01 thẻ Đảng viên số 77.375331 mang tên Trần Văn Nam; 01 giấy phép lái xe

hạng A1, số 790191105042 mang tên Lê Đức H; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 770201903181 mang tên Trần Văn Nam; 01 giấy chứng minh sĩ quan số 07031556 mang tên Lê Văn Sơn, tiếp tục giữ lại trong hồ sơ xem như tài liệu của vụ án mà không cần thiết phải tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen. Bị cáo sử dụng các điện thoại này để liên lạc, giao dịch thực hiện các tội phạm, nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh thu giữ của bị can Mạch Chí Thanh tiếp tục giao lại cho cơ quan điều tra để xử lý khi giải quyết vụ án Mạch Chí Thanh.

[9] Về một số vấn đề khác:

[9.1] Đối với bị can Mạch Chí Thanh: Mạch Chí Thanh là đồng phạm với bị cáo (đối với hành vi phạm tội ngày 11 và 13/3/2020). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã bỏ trốn, hiện không xác định được đang ở đâu. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can. Do vậy, việc điều tra, truy tố xét xử đối với bị can Thanh sẽ được tiến hành khi bắt được bị can Thanh.

[9.2] Đối với anh Huỳnh Hoàng Th. Quá trình điều tra cho thấy anh Th không biết việc bị cáo H làm giả thẻ đảng viên, giấy phép lái xe, giấy chứng minh sĩ quan, nên mới giới thiệu để bà Nguyễn Thị Hồng Đ cho vay tiền và đồng ý bảo lãnh khoản vay của bị cáo. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để xác định Huỳnh Hoàng Th có vai trò đồng phạm với các bị cáo.

[9.3] Đối với các đối tượng “Nguyễn Văn Ngọc”, các chủ trang mạng xã hội “làm bằng giả, thẻ giả”, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nha Trang đang tiếp tục điều tra, xác minh, khi có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 431; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức H **04** (bốn) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức H **07** (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Đức H phải chấp hành hình phạt chung của các tội là **11** (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Hồng Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen (không kiểm tra chất lượng bên trong).

3.2. Giao lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh thu giữ của bị can Mạc Chí Thanh, để tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định.

Số vật tịch thu sung ngân sách nhà nước và giao lại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Nha Trang với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Công an thành phố Nha Trang;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS. TP. Nha Trang;
- Lưu án văn, VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng